

**CÔNG TY CỔ PHẦN
MÍA ĐƯỜNG CẦN THƠ**

Báo cáo tài chính hợp nhất đã được soát xét
cho kỳ tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

**CÔNG TY CỔ PHẦN
MÍA ĐƯỜNG CẦN THƠ**

Báo cáo tài chính hợp nhất đã được soát xét
cho kỳ tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015



MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	1 – 3
BÁO CÁO SOÁT XÉT	4
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT	
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	5 – 8
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	9
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	10
Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất	11 – 48

0306
TRẮC
K
AFC
CH
C
RAN

8002
CÓN
CỔ I
MÍA Đ
CÁI
VI THAM

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG CẦN THƠ
Số 1284 Trần Hưng Đạo, Khu vực I, Phường VII, Thành phố Vị Thanh, Tỉnh Hậu Giang
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng quản trị hân hạnh đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất đã được soát xét của Công ty Cổ Phần Mía Đường Cần Thơ ("Công ty") và các công ty con (sau đây gọi chung là "Tập đoàn") cho kỳ tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015.

1. Thông tin chung

Công ty Cổ phần Mía Đường Cần Thơ là doanh nghiệp được cổ phần hóa từ công ty Nhà nước. Công ty được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 6403000018 đăng ký lần đầu ngày 29 tháng 04 năm 2005 do Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hậu Giang cấp.

Trong quá trình hoạt động Công ty đã được Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hậu Giang cấp bổ sung các Giấy chứng nhận đầu tư và Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp mới do thay đổi ngành nghề kinh doanh và vốn đầu tư với lần thay đổi gần nhất là lần thứ 12 vào ngày 18 tháng 10 năm 2015.

Trụ sở chính:

- Địa chỉ : Số 1284 Trần Hưng Đạo, Khu vực I, Phường VII, Thành phố Vị Thanh, Tỉnh Hậu Giang
- Điện thoại : 0711. 3879607
- Fax : 0711. 3879607

Các Đơn vị trực thuộc Công ty không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc bao gồm

Tên đơn vị	Địa chỉ
Nhà máy đường Phụng Hiệp	Số 10 đường 1/5, Phường Hiệp Thành, Thị xã Ngã Bảy, Tỉnh Hậu Giang
Xí nghiệp đường Vị Thanh	Số 1284 Trần Hưng Đạo, Phường VII, Thành phố Vị Thanh, Tỉnh Hậu Giang
Trung tâm Giống Long Mỹ	Ấp 6, Xã Lương Nghĩa, Huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang
Văn phòng đại diện tại TP. Hồ Chí Minh	Số 191 đường số 7, Phường Bình Trị Đông B, Quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh
Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh	Số 191 đường số 7, Phường Bình Trị Đông B, Quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh
Văn phòng đại diện tại Cần Thơ	Số 104 đường 30/4, Phường An Phú, Quận Ninh Kiều, TP. Cần Thơ
Chi nhánh Cần Thơ	Số 104 đường 30/4, Phường An Phú, Quận Ninh Kiều, TP. Cần Thơ

Hoạt động kinh doanh của Công ty:

- Sản xuất đường;
- Kinh doanh các sản phẩm của ngành mía đường;
- Dịch vụ vật tư kỹ thuật nông nghiệp;
- Kinh doanh vật tư thiết bị ngành mía đường;
- Sản xuất – kinh doanh nước đá;
- Đầu tư và kinh doanh dịch vụ du lịch;
- Đầu tư và kinh doanh bất động sản;
- Dịch vụ cho thuê tài sản

2. Các thành viên của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban kiểm soát

Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc của Công ty trong kỳ tài chính này và cho đến ngày lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm / tái bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Nguyễn Thành Long	Chủ tịch	Ngày 26 tháng 05 năm 2015	-
Bà Võ Thị Kim Dung	Thành viên	-	Ngày 26 tháng 05 năm 2015
Ông Nguyễn Thanh Nhân	Thành viên	Ngày 26 tháng 05 năm 2015	-
Ông Phạm Quang Vinh	Thành viên	Ngày 26 tháng 05 năm 2015	-
Bà Trần Thị Thái	Thành viên	Ngày 26 tháng 05 năm 2015	-
Ông Đặng Minh Thừa	Thành viên	Ngày 26 tháng 05 năm 2015	-

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Ban kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm / tái bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Trần Văn Hùng	Trưởng ban	Ngày 26 tháng 05 năm 2015	-
Ông Nguyễn Văn Thành	Thành viên	Ngày 26 tháng 05 năm 2015	-
Ông Huỳnh Thanh Thế	Thành viên	-	Ngày 26 tháng 05 năm 2015
Bà Nguyễn Thị Thủy	Thành viên	Ngày 26 tháng 05 năm 2015	-

Ban Tổng Giám đốc

Họ và tên	Chức vụ	Ngày tái bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Nguyễn Thành Long	Tổng Giám đốc	Ngày 26 tháng 05 năm 2015	-
Ông Phạm Quang Vinh	Phó Tổng Giám đốc	Ngày 26 tháng 05 năm 2015	-
Bà Võ Thị Kim Dung	Phó Tổng Giám đốc	Ngày 26 tháng 05 năm 2015	-
Ông Nguyễn Hoàng Ngoan	Phó Tổng Giám đốc	Ngày 26 tháng 05 năm 2015	-

Đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ tài chính và cho đến thời điểm lập báo cáo này như sau:

Họ và tên	Chức vụ	Ngày tái bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Nguyễn Thành Long	Tổng Giám đốc	Ngày 26 tháng 05 năm 2015	-

3. Đánh giá tình hình kinh doanh

Kết quả hoạt động kinh doanh của Tập đoàn cho kỳ tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và tình hình tài chính vào cùng ngày này được thể hiện trong Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

4. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ tài chính

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra kể từ ngày kết thúc kỳ tài chính đưa đến yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong thuyết minh trong Báo cáo tài chính hợp nhất.

5. Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam – Chi nhánh Cần Thơ được chỉ định soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015.

6. Công bố trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc đối với Báo cáo tài chính hợp nhất

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất và đảm bảo Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Tập đoàn vào ngày 31 tháng 12 năm 2015, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất trong kỳ tài chính kết thúc vào cùng ngày của Tập đoàn. Để lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu:

- Lựa chọn phù hợp và áp dụng nhất quán các chính sách kế toán;
- Thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Trình bày các nguyên tắc kế toán đang được áp dụng, tùy thuộc vào sự khác biệt trọng yếu công bố và giải trình trong Báo cáo tài chính hợp nhất;
- Lập các báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ khi giả thuyết Tập đoàn sẽ tiếp tục hoạt động không còn phù hợp; và
- Thiết lập, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ nhằm ngăn chặn và phát hiện gian lận và sai sót.

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG CẦN THƠ
Số 1284 Trần Hưng Đạo, Khu vực I, Phường VII, Thành phố Vị Thanh, Tỉnh Hậu Giang
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo sổ kế toán được ghi chép đầy đủ, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Tập đoàn và đảm bảo Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn tuân thủ các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất

7. Phê duyệt Báo cáo tài chính hợp nhất

Chúng tôi phê duyệt Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm. Báo cáo tài chính hợp nhất này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Tập đoàn vào ngày 31 tháng 12 năm 2015, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cùng với bản thuyết minh đính kèm cho kỳ tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt Hội Đồng Quản Trị



Nguyễn Thành Long

Ông NGUYỄN THÀNH LONG

Chủ tịch

Hậu Giang, ngày 24 tháng 02 năm 2016

002-C...
HẠN
AM
N THƠ

M.S.D.
T.P.

Số: 053/2016BCSXHN-CT.0564

BÁO CÁO SOÁT XÉT ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý cổ đông
Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc
CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG CẦN THƠ

Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo của Công Ty Cổ phần Mía Đường Cần Thơ, được lập ngày 24 tháng 02 năm 2016, từ trang 05 đến trang 48, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công Ty chịu trách nhiệm về lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 – Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề nào khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của đơn vị tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, và kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của đơn vị cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.



NGUYỄN THỊ NGỌC BÍCH

Phó Giám đốc

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0600-2013-009-1

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN AFC VIỆT NAM – CHI NHÁNH CẦN THƠ

Cần Thơ, ngày 24 tháng 02 năm 2016

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG CẦN THƠ

Số 1284 Trần Hưng Đạo, Khu vực I, Phường VII, Thành Phố Vị Thanh, Tỉnh Hậu Giang

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2015 VND	01/07/2015 VND
TÀI SẢN				
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		446.443.353.259	292.761.853.921
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	77.745.606.384	11.467.650.627
Tiền	111		46.945.606.384	11.367.650.627
Các khoản tương đương tiền	112		30.800.000.000	100.000.000
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		42.000.000.000	-
Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	5.2	42.000.000.000	-
Các khoản phải thu	130		98.111.468.001	58.231.715.883
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.3	42.717.179.824	38.544.876.486
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.4	42.126.715.755	9.700.897.450
Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	136	5.5.1	47.371.628.034	38.402.631.223
Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	137	5.6	(34.372.963.107)	(28.680.295.412)
Tài sản thiếu chờ xử lý	139	5.7	268.907.495	263.606.136
Hàng tồn kho	140	5.8	228.570.347.264	222.832.431.877
Hàng tồn kho	141		228.612.088.271	222.832.431.877
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(41.741.007)	-
Tài sản ngắn hạn khác	150		15.931.610	230.055.534
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.9.1	15.931.610	226.940.037
Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	-
Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153	5.18	-	3.115.497
Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-



283
KẾ T
PH
Ư
TH
-H

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG CẦN THƠ

Số 1284 Trần Hưng Đạo, Khu vực I, Phường VII, Thành Phố Vị Thanh, Tỉnh Hậu Giang

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2015 VND	01/07/2015 VND
TÀI SẢN				
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		320.193.906.744	346.501.122.156
Các khoản phải thu dài hạn	210		4.830.210.000	9.660.420.000
Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
Phải thu dài hạn khác	216	5.5.2	4.830.210.000	9.660.420.000
Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
Tài sản cố định	220		262.344.103.068	277.414.831.880
Tài sản cố định hữu hình	221	5.10	203.869.064.306	222.221.516.611
Nguyên giá	222		867.918.736.435	857.485.112.020
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(664.049.672.129)	(635.263.595.409)
Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
Nguyên giá	225		-	-
Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
Tài sản cố định vô hình	227	5.11	58.475.038.762	55.193.315.269
Nguyên giá	228		92.431.981.811	86.686.347.864
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(33.956.943.049)	(31.493.032.595)
Bất động sản đầu tư	230		-	-
Nguyên giá	231		-	-
Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	-
Tài sản dở dang dài hạn	240		4.020.721.236	4.580.944.838
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	5.12	4.020.721.236	4.580.944.838
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		35.862.443.852	40.318.222.188
Đầu tư vào công ty con	251		-	-
Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	5.13	30.766.091.953	34.503.884.562
Đầu tư dài hạn khác	253	5.13	19.372.000.000	19.372.000.000
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	254	5.13	(14.275.648.101)	(13.557.662.374)
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
Tài sản dài hạn khác	260		13.136.428.588	14.526.703.250
Chi phí trả trước dài hạn	261	5.9.2	5.323.526.610	5.212.834.924
Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262	5.14	6.693.575.007	8.054.625.483
Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
Tài sản dài hạn khác	268		-	-
Lợi thế thương mại	269	5.15	1.119.326.971	1.259.242.843
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		766.637.260.003	639.262.976.077

3004
 C
 RÁCH
 KII
 VPC
 CH
 C
 PAM

078
 Y
 V
 IG
 J
 GIANG

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG CẦN THƠ

Số 1284 Trần Hưng Đạo, Khu vực I, Phường VII, Thành Phố Vị Thanh, Tỉnh Hậu Giang

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2015 VND	01/07/2015 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ	300		438.681.376.443	311.756.261.569
Nợ ngắn hạn	310		364.536.486.037	208.594.434.963
Phải trả cho người bán ngắn hạn	311	5.16	16.006.575.740	11.109.783.534
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	5.17	114.545.333.678	27.724.769.320
Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	313	5.18	9.794.712.065	11.192.817.219
Phải trả công nhân viên	314		30.393.556.513	27.466.081.940
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.19	3.736.640.556	2.086.423.512
Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
Phải trả ngắn hạn khác	319	5.20	13.377.460.799	15.630.235.374
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.21.1	164.905.856.085	92.267.844.211
Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	5.22	-	7.881.024.452
Quỹ khen thưởng và phúc lợi	322	5.23	11.776.350.601	13.235.455.401
Quỹ bình ổn giá	323		-	-
Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
Nợ dài hạn	330		74.144.890.406	103.161.826.606
Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
Phải trả dài hạn khác	337		75.000.000	75.000.000
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	5.21.2	64.655.230.779	77.819.356.996
Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
Quỹ phát triển khoa học công nghệ	343	5.24	9.414.659.627	25.267.469.610

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG CẦN THƠ
 CHỖ ĐÓNG CHỮ VÀ CHỮ KÝ
 NGƯỜI CHỨC VỤ
 T.Đ.Đ.

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG CẦN THƠ

Số 1284 Trần Hưng Đạo, Khu vực I, Phường VII, Thành Phố Vị Thanh, Tỉnh Hậu Giang

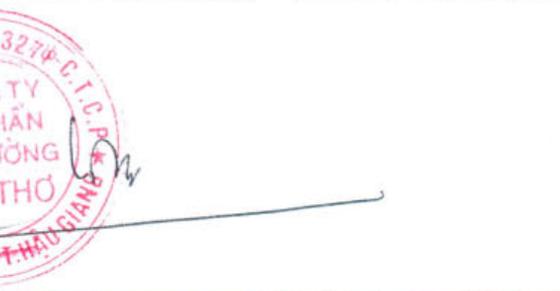
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2015 VND	01/07/2015 VND
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		327.955.883.560	327.506.714.508
Vốn chủ sở hữu	410		327.955.883.560	327.506.714.508
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	5.25	130.805.470.000	130.805.470.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a	5.25	130.441.670.000	130.441.670.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b	5.25	363.800.000	363.800.000
Thặng dư vốn cổ phần	412	5.25	91.713.511	91.713.511
Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
Vốn khác của chủ sở hữu	414	5.25	45.531	45.531
Cổ phiếu quỹ	415	5.25	(10.149.800.000)	(10.149.800.000)
Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
Quỹ đầu tư phát triển	418	5.25	137.867.254.614	137.867.254.614
Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
Lợi nhuận chưa phân phối	421	5.25	56.784.674.877	57.007.355.764
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a	5.25	37.761.770.090	36.604.016.250
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b	5.25	19.022.904.787	20.403.339.514
Nguồn vốn đầu tư XDCB	422		-	-
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429	5.26	12.556.525.027	11.884.675.088
Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
Nguồn kinh phí	431		-	-
Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		766.637.260.003	639.262.976.077


PHAN THỊ HỒNG YẾN
 Người lập biểu


ĐOÀN PHƯỚC BÌNH
 Q. Kế toán trưởng


NGUYỄN THÀNH LONG
 Tổng Giám Đốc
 Hậu Giang, ngày 24 tháng 02 năm 2016

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG CẦN THƠ

Số 1284 Trần Hưng Đạo, Khu vực I, Phường VII, Thành Phố Vị Thanh, Tỉnh Hậu Giang

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho kỳ tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

	Mã số	Thuyết minh	Từ ngày 01/07/2015 đến ngày 31/12/2015 VND	Từ ngày 01/07/2014 đến 31/12/2014 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	739.132.782.384	728.838.648.835
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	6.2	3.133.015.207	6.742.644.104
Doanh thu thuần	10		735.999.767.177	722.096.004.731
Giá vốn hàng bán	11	6.3	691.469.134.899	675.529.582.895
Lợi nhuận gộp	20		44.530.632.278	46.566.421.836
Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.4	4.829.699.726	5.061.040.364
Chi phí tài chính	22	6.5	5.436.333.909	10.093.084.567
Trong đó: chi phí lãi vay	23		4.717.520.228	8.246.558.086
Phần lợi nhuận/(lỗ) trong công ty liên kết, liên doanh	24		(3.737.792.609)	5.250.275.912
Chi phí bán hàng	25	6.6	9.371.384.145	7.042.384.403
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.7	6.713.509.183	20.745.065.947
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	30		24.101.312.158	18.997.203.195
Thu nhập khác	31	6.8	133.555.565	6.018.862.942
Chi phí khác	32	6.9	479.882.569	103.335.383
Lợi nhuận khác	40		(346.327.004)	5.915.527.559
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		23.754.985.154	24.912.730.754
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51		2.491.834.802	5.381.086.588
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		1.361.050.476	(2.022.355.809)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		19.902.099.876	21.553.999.975
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	61		19.022.904.786	20.922.252.636
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		879.195.089	631.747.339
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	6.10	1.496	1.645


PHAN THỊ HỒNG YẾN
Người lập biểu


ĐOÀN PHƯỚC BÌNH
Q. Kế toán trưởng




NGUYỄN THÀNH LONG
Tổng Giám Đốc
Hậu Giang, ngày 24 tháng 02 năm 2016

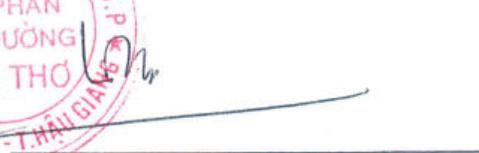
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT*(Theo phương pháp gián tiếp)*

Cho kỳ tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

	Mã số	Từ ngày 01/07/2015 đến ngày 31/12/2015 VND	Từ ngày 01/07/2014 đến 31/12/2014 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
Lợi nhuận trước thuế	01	23.754.985.154	24.912.730.754
<i>Điều chỉnh cho các khoản</i>			
Khấu hao tài sản cố định	02	31.453.130.318	41.681.532.644
Các khoản dự phòng	03	(1.428.630.023)	(6.638.251.798)
Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	-	28.674.076
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(4.375.073.832)	(4.537.634.716)
Chi phí lãi vay	06	4.717.520.228	8.246.558.086
Các điều chỉnh khác	07	(15.852.809.983)	7.718.196.981
Lợi nhuận KD trước những thay đổi vốn lưu động	08	38.269.121.862	71.411.806.027
Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(33.589.907.835)	(69.652.479.105)
Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(5.779.656.394)	(45.272.204.371)
Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	11	99.489.540.823	56.656.891.890
Tăng, giảm chi phí trả trước	12	100.316.741	4.388.805.892
Tăng giảm chứng khoán kinh doanh	13	-	-
Tiền lãi vay đã trả	14	(4.908.665.544)	(8.224.877.732)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(7.641.923.579)	(1.646.986.086)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	-	-
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17	(5.458.506.073)	(2.120.566.043)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	80.480.320.001	5.540.390.473
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	(15.682.262.033)	(14.987.025.026)
Tiền thu thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	22	27.267.273	-
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(42.000.000.000)	-
Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của đơn vị khác	24	-	-
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	-
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	14.490.630.000
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	1.076.328.559	4.537.634.716
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(56.578.666.201)	4.041.239.690
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31	-	-
Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	-	-
Tiền thu từ đi vay	33	363.971.381.201	353.654.529.285
Tiền trả nợ gốc vay	34	(304.497.495.544)	(354.550.775.244)
Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35	-	-
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(17.097.583.700)	(19.831.421.495)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	42.376.301.957	(20.727.667.454)
LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG KỶ	50	66.277.955.757	(11.146.037.292)
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN ĐẦU KỶ	60	11.467.650.627	36.956.753.394
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	(28.674.076)
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI KỶ	70	77.745.606.384	25.782.042.026


PHAN THỊ HỒNG YẾN
 Người lập biểu


ĐOÀN PHƯỚC BÌNH
 Q. Kế toán trưởng


NGUYỄN THÀNH LONG
 Tổng Giám Đốc
 Hậu Giang, ngày 24 tháng 02 năm 2016



Bản thuyết minh này là một bộ phận không tách rời và được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

Tập đoàn bao gồm: Công ty cổ phần Mía đường Cần Thơ (công ty mẹ) và các công ty con: Công ty TNHH Một Thành Viên Thương Mại - Du Lịch Mía Đường Cần Thơ và Công ty CP Cơ Khí Điện Máy Cần Thơ.

1.1 Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Mía Đường Cần Thơ là doanh nghiệp được cổ phần hóa từ công ty Nhà nước. Công ty được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 6403000018 đăng ký lần đầu ngày 29 tháng 04 năm 2005 do Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hậu Giang cấp.

Trong quá trình hoạt động Công ty mẹ đã được Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hậu Giang cấp bổ sung các Giấy chứng nhận đầu tư và Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp mới do thay đổi ngành nghề kinh doanh và vốn đầu tư với lần thay đổi gần nhất là lần thứ 12 vào ngày 18 tháng 10 năm 2015.

Trụ sở chính:

- Địa chỉ Số 1284 Trần Hưng Đạo, Khu vực I, Phường VII, Thành phố Vị Thanh, Tỉnh Hậu Giang
- Điện thoại 0711.3879607
- Fax 0711.3879607

Các Đơn vị trực thuộc Công ty mẹ không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc bao gồm

Tên đơn vị	Địa chỉ
Nhà máy đường Phụng Hiệp	Số 10 đường 1/5, Phường Hiệp Thành, Thị xã Ngã Bảy, Tỉnh Hậu Giang
Xí nghiệp đường Vị Thanh	Số 1284 Trần Hưng Đạo, Phường VII, Thành phố Vị Thanh, Tỉnh Hậu Giang
Trung tâm Giống Long Mỹ	Ấp 6, Xã Lương Nghĩa, Huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang
Văn phòng đại diện tại TP. Hồ Chí Minh	Số 191 đường số 7, Phường Bình Trị Đông B, Quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh
Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh	Số 191 đường số 7, Phường Bình Trị Đông B, Quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh
Văn phòng đại diện tại Cần Thơ	Số 104 đường 30/4, Phường An Phú, Quận Ninh Kiều, TP. Cần Thơ
Chi nhánh Cần Thơ	Số 104 đường 30/4, Phường An Phú, Quận Ninh Kiều, TP. Cần Thơ

1.2 Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Tập đoàn là sản xuất và thương mại

1.3 Ngành nghề kinh doanh

Ngành nghề kinh doanh chính của Tập đoàn năm 2015:

- Sản xuất đường;
- Kinh doanh các sản phẩm của ngành mía đường;
- Đường;
- Sản xuất – kinh doanh nước đá;
- Đầu tư và kinh doanh dịch vụ du lịch;
- Sản xuất bao bì;
- Tư vấn thiết kế, xây dựng công trình dân dụng;
- Sản xuất và kinh doanh dưỡng khí và khí gas công nghiệp.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

1.4 Chu kỳ kinh doanh thông thường

Chu kỳ kinh doanh thông thường của các công ty trong Tập đoàn không quá 12 tháng.

1.5 Cấu trúc của Tập đoàn

Tập đoàn bao gồm: Công ty cổ phần Mía đường Cần Thơ (công ty mẹ) và các công ty con như sau:

- Công ty TNHH Một Thành Viên Thương Mại - Du Lịch Mía Đường Cần Thơ
- Công ty CP Cơ Khí Điện Máy Cần Thơ

Các Công ty con được hợp nhất trong trong giai đoạn từ ngày 01 tháng 07 năm 2015 đến ngày 31 tháng 12 năm 2015 bao gồm:

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ vốn góp của Công ty mẹ	Tỷ lệ quyền biểu quyết của công ty mẹ	Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ
Công ty TNHH Một Thành Viên Thương Mại - Du Lịch Mía Đường Cần Thơ	Số 104, đường 30/4, phường An Phú, quận Ninh Kiều, Thành phố Cần Thơ.	- Đại lý du lịch; - Điều hành tua du lịch; - Đại lý vé máy bay	100,00%	100,00%	100,00%
Công ty CP Cơ Khí Điện Máy Cần Thơ	Số 103 Nguyễn Trãi, Phường An Hội, Quận Ninh Kiều, Thành Phố Cần Thơ	- Gia công cơ khí; - Xây lắp các công trình dân dụng. - Kinh doanh khí hóa lỏng	66,48%	66,48%	66,48%

Công ty liên kết được phản ánh trong báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu:

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ phần sở hữu
Công ty CP Mía Đường Sóc Trăng	số 845 đường Phạm Hùng, phường 8, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng	- Sản xuất, mua bán, xuất nhập khẩu trực tiếp đường và các sản phẩm ngành mía đường	32,58%	32,58%	32,58%

1.6 Số lượng nhân viên

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2015, tổng số nhân viên của Tập đoàn là 1.103 người (30/06/2015: 916 người).

2. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

2.1 Năm tài chính

Căn cứ theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên lần X năm 2015 của Công ty Cổ phần Mía Đường Cần Thơ vào ngày 26 tháng 05 năm 2015 quyết định thay đổi niên độ kế toán.

Theo nội dung Nghị quyết này thì niên độ kế toán của Công ty mẹ sẽ bắt đầu từ ngày 01 tháng 07 của năm trước và kết thúc vào ngày 30 tháng 06 của năm liền kề. Thời gian chuyển giao bắt đầu vào ngày 30 tháng 06 năm 2015.

Do vậy giai đoạn tài chính bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 30 tháng 06 năm 2015 sẽ được Công ty quyết toán và lập Báo cáo hợp nhất để làm cơ sở để bắt đầu niên độ tài chính mới.

Giai đoạn tài chính kỳ này bắt đầu từ ngày 01 tháng 07 năm 2015 đến 31 tháng 12 năm 2015.

2.2 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ được sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam ("VND") do việc thu, chi chủ yếu được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC về hướng dẫn Chế độ kế toán Doanh nghiệp thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Thông tư này có hiệu lực áp dụng cho kỳ tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015.

Cùng ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 202/2014/TT-BTC về hướng dẫn phương pháp lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất thay thế phần XIII - Thông tư số 161/2007/TT-BTC ngày 31/12/2007 của Bộ Tài chính hướng dẫn lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất theo Chuẩn mực kế toán số 25 "Báo cáo tài chính hợp nhất và kế toán các khoản đầu tư vào công ty con". Tập đoàn đã trình bày lại các số liệu so sánh do vậy các số liệu trình bày trong Báo cáo tài chính cho kỳ tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 so sánh được với số liệu tương ứng của kỳ trước.

Tập đoàn áp dụng các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo thông tư này và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán Việt Nam của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

4.1 Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Công ty cổ phần Mía đường Cần Thơ (công ty mẹ) và các công ty con: Công ty TNHH Một Thành Viên Thương Mại - Du Lịch Mía Đường Cần Thơ và Công ty CP Cơ Khí Điện Máy Cần Thơ (công ty con) cho kỳ tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015.

Báo cáo tài chính của công ty con đã được lập cùng kỳ báo cáo tài chính với Công ty theo các chính sách kế toán thống nhất với các chính sách kế toán của Tập đoàn. Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và công ty con là giống nhau.

Công ty con được hợp nhất hoàn toàn kể từ ngày Công ty nắm quyền kiểm soát và sẽ chấm dứt hợp nhất kể từ ngày Công ty không còn kiểm soát công ty con đó. Trong trường hợp Công ty không còn nắm quyền kiểm soát công ty con thì các báo cáo tài chính hợp nhất sẽ bao gồm cả kết quả hoạt động kinh doanh của giai đoạn thuộc kỳ báo cáo mà trong giai đoạn đó Công ty vẫn còn nắm quyền kiểm soát.

Tất cả các số dư và các giao dịch nội bộ giữa các công ty trong cùng Tập đoàn, kể cả các khoản lãi chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ đã được loại trừ hoàn toàn khi lập báo cáo tài chính hợp nhất. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được.

Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát thể hiện phần lợi nhuận hoặc lỗ và tài sản thuần của công ty con không nắm giữ bởi các cổ đông của Công ty và được trình bày ở mục riêng trên báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất và bảng cân đối kế toán hợp nhất. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong biến động của vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông không kiểm soát

4489
CÔNG
NHỊỆT
ÉM T
VIỆ
NH,
AN TI
S-TI

TAM
CÔ
CÔ
MÍA
CẦN
THANH

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

vượt quá phần vốn của họ trong vốn chủ sở hữu của công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của Tập đoàn trừ khi cổ đông không kiểm soát có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó. Nếu sau đó công ty con có lãi, khoản lãi đó sẽ được phân bổ vào lợi ích của Tập đoàn cho tới khi phần lỗ trước đây do Tập đoàn gánh chịu được bồi hoàn đầy đủ.

Hợp nhất kinh doanh và lợi thế thương mại

Hợp nhất kinh doanh được kế toán theo phương pháp giá mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do bên mua phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua, cộng (+) các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh.

Tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và nợ tiềm tàng của bên bị mua được ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày mua.

Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá phí hợp nhất kinh doanh và phần sở hữu của bên mua trong giá trị hợp lý thuần của các tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và nợ tiềm tàng được ghi nhận là lợi thế thương mại. Lợi thế thương mại được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian sử dụng hữu ích là 10 năm.

Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá phí hợp nhất kinh doanh và phần sở hữu của bên mua trong giá trị hợp lý thuần của các tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và nợ tiềm tàng được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán phát sinh hoạt động mua.

Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là những công ty mà Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể, nhưng không kiểm soát, các chính sách tài chính và hoạt động của Công ty. Công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu (gọi chung là các đơn vị nhận đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu). Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm phần mà Tập đoàn được hưởng trong thu nhập và chi phí của các đơn vị nhận đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu, sau khi điều chỉnh theo chính sách kế toán của Tập đoàn, từ ngày bắt đầu cho tới ngày chấm dứt sự ảnh hưởng đáng kể hoặc quyền đồng kiểm soát đối với các đơn vị này. Khi phần lỗ của đơn vị nhận đầu tư mà Tập đoàn phải chia sẽ vượt quá lợi ích của Tập đoàn trong đơn vị nhận đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu, giá trị ghi sổ của khoản đầu tư (bao gồm các khoản đầu tư dài hạn, nếu có) sẽ được ghi giảm tới bằng không và dừng việc ghi nhận các khoản lỗ phát sinh trong tương lai trừ các khoản lỗ thuộc phạm vi mà Tập đoàn có nghĩa vụ phải trả hoặc đã trả thay cho đơn vị nhận đầu tư.

4.2 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

4.3 Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc giai đoạn tài chính được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong giai đoạn tài chính từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc giai đoạn tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch.

25-0
TY
HỮU
ẤN
NA
NH
CƠ
CH

44
IG
PH
JUC
↓ TH
-T.N

4.4 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu của khách hàng và phải thu khác được phản ánh theo giá trị ghi sổ trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Các khoản phải thu được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Tập đoàn và người mua là đơn vị độc lập với Tập đoàn.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch có tính chất mua – bán giữa Tập đoàn và người mua là đơn vị độc lập với Tập đoàn.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại thời điểm lập Bảng cân đối kế toán. Các khoản tăng hoặc giảm dự phòng này được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

4.5 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện thấp hơn giá gốc thì tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính trừ chi phí bán hàng ước tính.

Hàng tồn kho được ghi nhận theo phương pháp kê khai thường xuyên và giá xuất kho được xác định theo phương pháp thực tế đích danh.

Dự phòng cho hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do giảm giá vật tư, thành phẩm, hàng hóa tồn kho thuộc quyền sở hữu của Tập đoàn có thể xảy ra (giảm giá, kém phẩm chất, lỗi thời,...) dựa trên bằng chứng hợp lý về sự giảm giá trị vào thời điểm cuối kỳ tài chính. Các khoản tăng hoặc giảm dự phòng này được ghi nhận vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

4.6 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Tập đoàn chủ yếu là chi phí trả trước dài hạn là chi phí công cụ dụng cụ và chi phí sửa chữa được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong khoảng thời gian 36 tháng kể từ khi phát sinh.

4.7 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá của một tài sản cố định bao gồm giá mua và các khoản chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản đó vào sử dụng. Những chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được chuyển hóa thành tài sản cố định, những chi phí bảo trì và sửa chữa được ghi vào chi phí của năm hiện hành.

Khi bán hay thanh lý tài sản, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế của tài sản được xóa sổ trong các báo cáo tài chính và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Khấu hao tài sản cố định hữu hình được tính theo phương pháp khấu hao đường thẳng theo thời gian hữu ích ước tính của các tài sản như sau:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	04 – 25 năm
Máy móc và thiết bị	02 – 22 năm
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 – 10 năm
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 08 năm
Tài sản cố định khác	05 năm

4.8 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định vô hình của Tập đoàn bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Tập đoàn đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ,....

Quyền sử dụng đất của Tập đoàn được khấu hao như sau:

- Nhận chuyển nhượng hợp pháp đối với quyền sử dụng đất có thời hạn được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian giao đất có thời hạn khấu hao từ 03 đến 50 năm.
- Nhận chuyển nhượng hợp pháp đối với quyền sử dụng đất không thời hạn thì không tính khấu hao.

Chương trình phần mềm

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 07 năm.

4.9 Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Tập đoàn với người bán là đơn vị độc lập với Tập đoàn.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ và tài sản đã nhận được từ người bán nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước. Khi các chi phí đó phát sinh thực tế, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ.

4.10 Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp và kinh phí công đoàn

Tập đoàn trích bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp và kinh phí công đoàn như sau:

- Bảo hiểm xã hội được trích trên tổng quỹ lương cơ bản vào chi phí là 18% và trích từ lương người lao động là 8%.
- Bảo hiểm y tế được trích trên lương cơ bản vào chi phí là 3% và trích từ lương người lao động là 1,5%.
- Bảo hiểm thất nghiệp được trích trên lương cơ bản vào chi phí là 1% và trích từ lương người lao động là 1%.
- Ngoài ra, Tập đoàn còn trích kinh phí Công đoàn 2% trên tổng quỹ lương đóng bảo hiểm xã hội.

4.11 Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông theo mệnh giá.

4.12 Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung hoặc chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

4.13 Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các qui định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như khoản lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn; do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ; do đánh giá lại các công cụ tài chính và các khoản mục tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

4.14 Doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Doanh nghiệp đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi đồng thời thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu từ tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

4.15 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua sắm, xây dựng một tài sản cụ thể cần có một thời gian đủ dài để hoàn thành đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc để bán được vốn hóa vào nguyên giá của tài sản đó.

Chi phí đi vay khác được ghi nhận vào chi phí hoạt động tài chính trong kỳ.

4.16 Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") trong kỳ, nếu có, bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến các năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp số dư nợ trên bảng cân đối kế toán, dựa trên các khoản chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích thuế. Giá trị của khoản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả được dự kiến sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế có liên quan sẽ được thực hiện.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Ưu đãi thuế đối với Công ty mẹ

Theo giấy chứng nhận đầu tư số 64121000060 ngày 13 tháng 12 năm 2007, Công ty mẹ có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20% trên thu nhập chịu thuế trong thời gian 10 năm. Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 02 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế và giảm 50% số thuế phải nộp cho 07 năm tiếp theo.

Do Công ty mẹ không còn được ưu đãi, miễn giảm thuế nên nên thu nhập từ các hoạt động kinh doanh phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 22%.

Ưu đãi thuế đối với Công ty con là Công ty Cổ phần Cơ Khí Điện Máy Cần Thơ

Theo Giấy chứng nhận đầu tư đã được thay đổi số 57221000070 ngày 17/11/2008 do Ban quản lý các Khu chế xuất và công nghiệp Cần Thơ cấp, Công ty con được hưởng các chính sách ưu đãi sau:

SỔ ĐĂNG KÝ
RÁCH KII
FC
CHI C
ẢNH

0028
ÔNG
PH.
ĐỨC
LÊN TI
H-T

Đối với các lĩnh vực sản xuất trong Khu công nghiệp được hưởng thuế suất thuế TNDN là 15%, áp dụng trong 12 năm, kể từ khi phương án cổ phần hóa đi vào hoạt động sản xuất kinh doanh. Trong đó, Công ty con được miễn thuế TNDN 03 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế và giảm 50% số thuế TNDN phải nộp cho 07 năm tiếp theo. Đây là năm thứ 6 Công ty con được giảm 50% mức ưu đãi thuế suất này.

Đối với dự án mới đầu tư hệ thống sản xuất oxygen và nitrogen tại khu Công Nghiệp Trà Nóc 1 thì được miễn thuế 03 năm và giảm 50% số thuế phải nộp cho 5 năm tiếp theo với phần thu nhập tăng thêm từ dự án đầu tư mở rộng mang lại. Đây là năm thứ 4 Công ty con con được miễn giảm 50 % với mức thuế suất 22%.

Thu nhập từ các hoạt động khác phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 22%.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ được kiểm tra bởi cơ quan thuế. Do sự áp dụng của luật thuế cho từng loại nghiệp vụ và việc giải thích, hiểu cũng như chấp thuận theo nhiều cách khác nhau nên số liệu của báo cáo tài chính có thể sẽ khác với số liệu của cơ quan thuế.

4.17 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty mẹ cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ.

4.18 Báo cáo bộ phận

Bộ phận kinh doanh bao gồm bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và bộ phận theo khu vực địa lý.

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

4.19 Công cụ tài chính

Công cụ tài chính – ghi nhận ban đầu và trình bày

Tài sản tài chính

Theo Thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2009, tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp cho mục đích thuyết minh trong các báo cáo tài chính bao gồm: tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay và phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá gốc cộng với các chi phí liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Tập đoàn bao gồm: tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác.

Nợ phải trả tài chính

Theo Thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2009, nợ phải trả tài chính được phân loại một cách phù hợp cho mục đích thuyết minh trong báo cáo tài chính bao gồm: nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Việc phân loại các khoản nợ

489
CÔNG
NHIỆP
M T
VỊ
NH
N T

32
T V
T N
N C
10
AUF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

5.2 Đầu tư năm giữ đến ngày đáo hạn

	31/12/2015		01/07/2015	
	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND
Tiền gửi có kỳ hạn (i)	42.000.000.000	42.000.000.000	-	-
	42.000.000.000	42.000.000.000	-	-

(i) Đây là giá trị của các khoản tiền gửi tại các ngân hàng có kỳ hạn và thời gian đáo hạn trên ba tháng đến dưới một năm.

5.3 Phải thu ngắn hạn khách hàng

	31/12/2015 VND	01/07/2015 VND
Phải thu các bên liên quan	-	-
Phải thu các khách hàng khác	42.717.179.824	38.544.876.486
Công ty TNHH Thương mại Thực Phẩm Hồng Yến	3.060.900.000	3.060.900.000
Cơ Sở - Vi Thị Kim Mai	4.084.170.000	4.084.170.000
Cơ sở Văn Mỹ Hằng	3.700.165.000	3.700.165.000
Cơ Sở - Nguyễn Thanh Xuân	3.464.380.350	3.464.380.350
Các đối tượng khác	28.407.564.474	24.235.261.136
	42.717.179.824	38.544.876.486

5.4 Trả trước cho người bán

	31/12/2015 VND	01/07/2015 VND
Trả trước cho các bên liên quan	9.000.000.000	-
Công ty CP Mía Đường Sóc Trăng - ứng tiền mua thành phẩm	9.000.000.000	-
Trả trước cho người bán khác	33.126.715.755	9.700.897.450
Công ty TNHH MTV Công Nghiệp Tấn Đạt	3.210.790.000	3.147.826.000
Công ty TNHH TM & XD Thịnh Vượng Chung	370.738.711	1.994.014.800
Công ty Xây dựng Tiến Quân	-	612.512.266
Công ty CP Mía Đường Tây Nam	9.677.280.000	-
Công ty TNHH Tư Vấn & Chuyển Giao Công Nghệ CDT	7.040.000.000	-
Công ty TNHH Đại Tín Phát	-	273.600.000
Các đối tượng khác	12.827.907.044	3.672.944.384
	42.126.715.755	9.700.897.450

5.5 Các khoản phải thu khác

5.5.1 Phải thu ngắn hạn khác

	31/12/2015		01/07/2015	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Các bên liên quan	452.508.400	-	4.842.382.920	-
Thành viên chủ chốt - Phải thu tạm ứng	452.508.400	-	4.842.382.920	-
Các tổ chức và cá nhân khác	46.919.119.634	(9.199.018.306)	33.560.248.303	(2.676.421.551)
Phải thu về tạm ứng	11.572.854.037	-	8.179.799.670	-
Ký cược, ký quỹ ngắn hạn	20.000.000	-	20.000.000	-
Phải thu tiền cổ tức	3.257.500.000	-	151.470.000	-
Phải thu tiền bán cổ phần	9.778.230.000	-	4.948.020.000	-
Các khoản phải thu dự án trung tâm xây dựng giống Long Mỹ	3.527.045.824	-	3.527.045.824	-
Trung tâm giống Long Mỹ	458.348.461	-	458.348.461	-
Công đoàn cơ sở Công ty CP mía đường	7.380.500.000	-	6.746.500.000	-
Phải thu cho mượn vỏ bình gas	-	-	-	-
Phải thu tiền bồi thường	8.714.369.570	(8.311.197.106)	8.717.169.410	(2.676.421.551)
Phải thu BHXH	22.398.118	-	32.647.146	-
Phải thu BHYT	6.440.455	-	6.121.336	-
Phải thu Bảo hiểm thất nghiệp	3.726.115	-	4.080.890	-
Phải thu tiền thuế nhập khẩu đường	1.606.813.120	-	-	-
Phải thu khác	570.893.934	(887.821.200)	769.045.566	-
	47.371.628.034	(9.199.018.306)	38.402.631.223	(2.676.421.551)

5.5.2 Phải thu dài hạn khác

	31/12/2015		01/07/2015	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Phải thu các bên liên quan	-	-	-	-
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác	4.830.210.000	-	9.660.420.000	-
Phải thu tiền bán cổ phần	4.830.210.000	-	9.660.420.000	-
	4.830.210.000	-	9.660.420.000	-

5.6 Dự phòng phải thu khó đòi

Các khoản nợ phải thu quá hạn thu hồi

	31/12/2015		01/07/2015	
	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND
Các bên liên quan		-		-
Các tổ chức và cá nhân khác	34.608.416.257	235.453.150	34.611.341.497	5.931.046.085
Nợ phải thu chưa quá hạn 3 năm nhưng khó có khả năng thu hồi	24.496.699.051	-	24.496.699.051	-
Phải thu tiền bán hàng của Xi nghiệp Vị Thanh	24.496.699.051	-	24.496.699.051	-
Nợ quá hạn trên 3 năm	1.504.249.570	-	1.507.174.810	-
Phải thu tiền bán hàng của các khách hàng khác	719.798.818	-	719.798.818	-
Phải thu tiền ứng trước đối tác	491.435.592	-	491.435.592	-
Phải thu khác	293.015.160	-	295.940.400	-
Nợ quá hạn từ 1 năm dưới 2 năm	8.607.467.636	235.453.150	8.607.467.636	5.931.046.085
Phải thu tiền bồi thường hàng thiếu cán bộ, công nhân viên	8.607.467.636	235.453.150	8.607.467.636	5.931.046.085
	34.608.416.257	235.453.150	34.611.341.497	5.931.046.085

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu như sau

	Nợ phải thu, cho vay ngắn hạn VND	Nợ phải thu, cho vay dài hạn VND	Cộng VND
Tại ngày 01/07/2015	(28.680.295.412)	-	(28.680.295.412)
Trích lập dự phòng bổ sung	(5.692.667.695)	-	(5.692.667.695)
Hoàn nhập dự phòng	-	-	-
Tại ngày 31/12/2015	(34.372.963.107)	-	(34.372.963.107)

5.7 Tài sản thiếu chờ xử lý

	31/12/2015 VND	01/07/2015 VND
Hàng tồn kho	268.907.495	263.606.136
	268.907.495	263.606.136

5.8 Hàng tồn kho

	31/12/2015		01/07/2015	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Hàng mua đang đi trên đường	698.608.254	-	512.758.116	-
Nguyên liệu, vật liệu	28.988.893.080	-	19.904.824.132	-
Công cụ, dụng cụ	277.983.050	-	281.544.421	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	24.463.702.856	-	11.578.675.058	-

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG CẦN THƠ
 Số 1284 Trần Hưng Đạo, Khu vực I, Phường VII, Thành phố Vị Thanh, Tỉnh Hậu Giang
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
 Cho kỳ tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

	31/12/2015		01/07/2015	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Thành phẩm	172.669.187.352	-	189.099.050.357	-
Hàng gửi bán	-	-	5.492.303	-
Hàng hóa	1.513.713.679	-	1.450.087.490	-
	228.612.088.271	-	222.832.431.877	-

Giá trị hàng tồn kho dùng thế chấp, cầm cố để bảo đảm các khoản vay và nợ của Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam như sau:

	31/12/2015	01/07/2015
	VND	VND
Thành phẩm	172.669.187.352	179.588.425.163
	172.669.187.352	179.588.425.163

5.9 Chi phí trả trước ngắn hạn, dài hạn

5.9.1 Chi phí trả trước ngắn hạn

	31/12/2015	01/07/2015
	VND	VND
Chi phí thuê đất	-	86.241.762
Công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	15.931.610	49.626.145
Chi phí khác	-	91.072.130
	15.931.610	226.940.037

5.9.2 Chi phí trả trước dài hạn

	31/12/2015	01/07/2015
	VND	VND
Công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	5.323.526.610	5.212.834.924
	5.323.526.610	5.212.834.924

03004
 TRÁCH
 KHI
 AFC
 CH
 C
 TẠI RAI

C.T. GIANG

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG CÁN THƠ
Số 1284 Trần Hưng Đạo, Khu vực I, Phường VII, Thành phố Vị Thanh, Tỉnh Hậu Giang
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho kỳ tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

5.10 Tình hình tăng giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị dụng cụ quản lý VND	Tài sản cố định khác VND	Cộng VND
Nguyên giá						
Tại ngày 01/07/2015	183.105.447.981	629.242.120.296	33.234.531.789	3.269.026.338	8.633.985.616	857.485.112.020
Mua trong kỳ	82.194.699	2.489.900.000	-	56.270.000	-	2.628.364.699
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	4.674.686.998	2.687.495.370	220.227.349	-	-	7.582.409.717
Giảm do thanh lý	-	-	-	(63.227.273)	-	(63.227.273)
Giảm do phân loại lại	-	-	286.077.272	-	-	286.077.272
Tại ngày 31/12/2015	187.862.329.678	634.419.515.666	33.740.836.410	3.262.069.065	8.633.985.616	867.918.736.435
Giá trị hao mòn lũy kế						
Tại ngày 01/07/2015	142.599.624.845	459.135.679.908	22.171.001.678	2.723.303.362	8.633.985.616	635.263.595.409
Khấu hao trong kỳ	4.923.826.945	22.077.537.298	1.694.302.848	153.636.902	-	28.849.303.993
Giảm do thanh lý	-	-	-	(63.227.273)	-	(63.227.273)
Giảm do phân loại lại	-	-	-	-	-	-
Tại ngày 31/12/2015	147.523.451.790	481.213.217.206	23.865.304.526	2.813.712.991	8.633.985.616	664.049.672.129
Giá trị còn lại						
Tại ngày 01/07/2015	40.505.823.136	170.106.440.388	11.063.530.111	545.722.976	-	222.221.516.611
Tại ngày 31/12/2015	40.338.877.888	153.206.298.460	9.875.531.884	448.356.074	-	203.869.064.306
Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng:						
Tại ngày 01/07/2015	81.179.491.606	246.155.211.950	7.100.247.593	1.797.630.318	8.633.985.616	344.866.567.083
Tại ngày 31/12/2015	88.680.985.424	357.085.399.557	11.527.864.959	2.148.485.427	8.633.985.616	468.076.720.983

Một số tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại theo sổ sách tại ngày 31/12/2015 là 76.799.102.727 VND đã được thế chấp, cầm cố để đảm bảo cho các khoản vay tại các ngân hàng.

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG CÁN THƠ
Số 1284 Trần Hưng Đạo, Khu vực I, Phường VII, Thành phố Vij Thanh, Tỉnh Hậu Giang
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho kỳ tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

5.11 Tính hình tăng giảm tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy tính VND	Tài sản cố định vô hình khác VND	Cộng VND
Nguyên giá				
Tại ngày 01/07/2015	79.534.019.269	751.579.535	6.400.749.060	86.686.347.864
Mua trong năm	1.830.443.892	-	-	1.830.443.892
Tăng từ xây dựng cơ bản dở dang	3.915.190.055	-	-	3.915.190.055
Tại ngày 31/12/2015	85.279.653.216	751.579.535	6.400.749.060	92.431.981.811
Giá trị hao mòn lũy kế				
Tại ngày 01/07/2015	25.495.350.844	566.061.696	5.431.620.055	31.493.032.595
Khấu hao trong kỳ	2.278.596.944	45.803.574	139.509.936	2.463.910.454
Tại ngày 31/12/2015	27.773.947.788	611.865.270	5.571.129.991	33.956.943.049
Giá trị còn lại				
Tại ngày 01/07/2015	54.038.668.425	185.517.839	969.129.005	55.193.315.269
Tại ngày 31/12/2015	57.505.705.428	139.714.265	829.619.069	58.475.038.762
Nguyên giá tài sản cố định vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng:				
Tại ngày 01/07/2015	12.942.787.949	175.579.535	262.312.000	13.380.679.484
Tại ngày 31/12/2015	22.578.029.163	262.579.535	262.312.000	23.102.920.698

Một số tài sản cố định vô hình có giá trị còn lại theo sổ sách tại ngày 31/12/2015 là 5.714.567.241 VND đã được thế chấp, cầm cố để đảm bảo cho các khoản vay tại các ngân hàng.

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG CÁN THƠ
Số 1284 Trần Hưng Đạo, Khu vực I, Phường VII, Thành phố Vị Thanh, Tỉnh Hậu Giang
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho kỳ tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

5.12 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	01/07/2015	Phát sinh trong kỳ	Kết chuyển vào TSCĐ trong kỳ	31/12/2015
	VND	VND	VND	VND
Chi mua máy bơm nước	1.342.174.458	-	(334.188.907)	1.007.985.551
Cải tạo kho đường số 3	1.914.228.656	2.112.400.910	(4.026.629.566)	-
Motor chân đế công suất 500KW 3 pha	-	1.264.264.902	(1.264.264.902)	-
Máy nén khí	-	921.200.000	(921.200.000)	-
Sửa kho đường số 1	258.052.159	685.454.545	(943.506.704)	-
Mua đất ở ấp Mỹ Hiệp xã Tân Tiến TP Vị Thanh	119.206.035	3.915.190.055	(3.915.190.055)	-
Móng xử lý nước thải Acetylen	-	-	-	119.206.035
Dự Án Oxi Lông	23.300.000	1.695.168.181	(1.695.168.181)	-
Mua thiết bị dự án ứng dụng	-	-	-	23.300.000
Chi phí sửa chữa lớn	-	1.686.673.518	-	1.686.673.518
Các công trình khác	923.983.530	352.192.240	(92.619.638)	1.183.556.132
	4.580.944.838	12.632.544.351	(13.192.767.953)	4.020.721.236

5.13 Đầu tư tài chính dài hạn

	31/12/2015		01/07/2015	
	Giá trị sổ sách	Dự phòng	Giá trị sổ sách	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	30.766.091.953	-	30.766.091.953	-
Công ty CP Mía Đường Sóc Trăng	22.617.000.000	-	22.617.000.000	-
Chênh lệch hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu	8.149.091.953	-	8.149.091.953	-
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	19.372.000.000	(14.275.648.101)	5.096.351.899	(13.557.662.374)
Công ty Cổ phần Mía Đường Tây Nam	15.192.000.000	(14.275.648.101)	916.351.899	(13.557.662.374)
Tổng Công ty Mía Đường Số 1	202.000.000	-	202.000.000	-
Công ty Cổ Phần Mía Đường Bến Tre	3.978.000.000	-	3.978.000.000	-
	50.138.091.953	(14.275.648.101)	35.862.443.852	(13.557.662.374)
			53.875.884.562	28.431.337.626

Tình hình hoạt động của các công ty con, công ty liên doanh, liên kết

Các công ty con và công ty liên doanh, liên kết đang hoạt động kinh doanh bình thường, không có thay đổi lớn so với kỳ trước.

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG CẦN THƠ
Số 1284 Trần Hưng Đạo, Khu vực I, Phường VII, Thành phố Vị Thanh, Tỉnh Hậu Giang
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho kỳ tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

Dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Tình hình biến động dự phòng cho các khoản đầu tư tài chính dài hạn như sau:

	Từ ngày 01/07/2015 đến ngày 31/12/2015 VND	Từ ngày 01/07/2014 đến ngày 31/12/2014 VND
Số dư đầu kỳ	(13.557.662.374)	(6.405.217.054)
Trích lập dự phòng bổ sung	(717.985.727)	(1.845.890.360)
Hoàn nhập dự phòng	-	-
Số dư cuối kỳ	(14.275.648.101)	(8.251.107.414)

Giao dịch với công ty liên doanh, liên kết

Các giao dịch trọng yếu giữa Tập đoàn với các công ty liên doanh, liên kết như sau:

	Từ ngày 01/07/2015 đến ngày 31/12/2015 VND	Từ ngày 01/07/2014 đến ngày 31/12/2014 VND
Công ty CP Mía Đường Sóc Trăng		
- Nhận cổ tức	3.257.500.000	2.515.000.000
- Thu lãi trả chậm	-	357.048.610
- Ứng trước tiền mua thành phẩm	9.000.000.000	-

5.14 Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

	31/12/2015 VND	01/07/2015 VND
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	6.693.575.007	8.054.625.483
- Chi phí dự phòng nợ phải thu	6.617.451.497	6.026.809.753
- Chi phí trích trước	76.123.510	192.521.034
- Chi phí dự phòng phải trả Nhà máy đường Phụng Hiệp	-	1.069.258.376
- Chi phí dự phòng phải trả Xí nghiệp đường Vị Thanh	-	766.036.320
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến lỗ tính thuế chưa sử dụng	-	-
	6.693.575.007	8.054.625.483

5.15 Lợi thế thương mại

	Từ ngày 01/07/2015 đến ngày 31/12/2015 VND	Từ ngày 01/07/2014 đến ngày 31/12/2014 VND
Số dư đầu kỳ	1.259.242.843	1.539.074.586
Phân bổ trong kỳ	(139.915.872)	(139.915.871)
Số dư cuối kỳ	1.119.326.971	1.399.158.715

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG CẦN THƠ
Số 1284 Trần Hưng Đạo, Khu vực I, Phường VII, Thành phố Vị Thanh, Tỉnh Hậu Giang
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho kỳ tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

5.16 Phải trả người bán ngắn hạn

	31/12/2015 VND	01/07/2015 VND
Phải trả các bên liên quan	-	-
Phải trả các nhà cung cấp khác	16.006.575.740	11.109.783.534
CN Công ty TNHH Môi Trường-XD Bách Việt	-	6.093.819
Công ty TNHH MTV TM & DV Hoàng Hân	-	44.500.000
Công ty TNHH SX-TM Tân Hiệp Hưng	113.182.960	215.172.240
Công ty TNHH Ngũ Hiệp	2.290.860.941	3.671.684.248
Công ty TNHH Kings GraTing	362.111.761	686.558.761
Công ty Cổ phần Gas Việt Nhật	1.695.679.175	534.032.175
Phải trả các nhà cung cấp khác	11.544.740.903	5.951.742.291
	16.006.575.740	11.109.783.534

5.17 Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	31/12/2015 VND	01/07/2015 VND
Trả trước của các bên liên quan	-	-
Trả trước của các khách hàng khác	114.545.333.678	27.724.769.320
Công ty TNHH Tri Thanh	15.399.579.200	-
Công ty TNHH Á Châu Trường Thành	31.296.800.000	-
Công ty Cổ Phần Đầu Tư Thành Thành Công	12.775.207.950	-
Cơ sở Đỗ Văn Sơn	147.100.000	3.842.600.000
Các công nợ khác	54.926.646.528	23.882.169.320
	114.545.333.678	27.724.769.320

5.18 Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

	01/07/2015		Số phát sinh trong kỳ		31/12/2015
	Phải thu	Phải nộp VND	Số phải nộp VND	Số đã nộp VND	Phải nộp VND
Thuế giá trị gia tăng	-	4.231.583.954	26.453.056.870	(22.250.614.274)	8.434.026.550
Thuế GTGT hàng nhập khẩu			1.687.153.776	(1.687.153.776)	
Thuế xuất, nhập khẩu			1.606.813.120	(1.606.813.120)	
Thuế TNDN	-	6.075.932.904	2.491.834.802	(7.641.923.579)	925.844.127
Thuế thu nhập cá nhân	-	712.930.214	1.195.315.136	(1.727.048.922)	181.196.428
Thuế tài nguyên	-	-	887.220	(887.220)	-
Thuế nhà đất	-	-	289.039.317	(285.923.820)	-
Tiền thuê đất	3.115.497	-	2.014.820.227	(2.014.820.227)	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	172.370.147	253.644.960	(172.370.147)	253.644.960
	3.115.497	11.192.817.219	35.992.565.428	(37.387.555.085)	9.794.712.065

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

5.19 Chi phí phải trả ngắn hạn

	31/12/2015 VND	01/07/2015 VND
Phải trả các bên liên quan	-	-
Phải trả các tổ chức và cá nhân khác	3.736.640.556	2.086.423.512
Chi phí phải trả cho hoạt động kinh doanh	13.576.550	968.307.871
Chi phí vận chuyển, khuyến mãi	3.537.609.486	422.502.122
Chi phí lãi vay	-	191.145.316
Chi phí phải trả khác	185.454.520	504.468.203
	3.736.640.556	2.086.423.512

5.20 Phải trả ngắn hạn khác

	31/12/2015 VND	01/07/2015 VND
Phải trả các bên liên quan	-	-
Bà Trần Thị Thái – Cổ tức, lợi nhuận phải trả	-	174.005.000
Phải trả các đơn vị và cá nhân khác	13.377.460.799	15.456.230.374
Tài sản thừa chờ xử lý	316.568.518	128.920.802
Kinh phí công đoàn	62.059.100	22.791.390
Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế, Bảo hiểm thất nghiệp	65.205.830	80.465.124
Cổ tức phải trả	2.458.598.160	4.297.957.460
Phải trả ngân sách	3.181.317.244	3.181.317.244
Nhận ký cược ký quỹ ngắn hạn	4.339.300.000	4.520.600.000
Tiền trích chi phí hỗ trợ cầu đường các ấp, xã	-	2.639.606.566
Phải trả khác	2.954.411.947	584.571.788
	13.377.460.799	15.630.235.374

Tập đoàn không có nợ quá hạn chưa thanh toán.



CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG CÁN THƠ
Số 1284 Trần Hưng Đạo, Khu vực I, Phường VII, Thành phố Vị Thanh, Tỉnh Hậu Giang
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho kỳ tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

5.21 Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn, dài hạn

5.21.1 Vay ngắn hạn

	31/12/2015		01/07/2015	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay các bên liên quan	VND	VND	VND	VND
Vay các tổ chức và cá nhân khác	-	-	-	-
Vay ngắn hạn ngân hàng	164.905.856.085	164.905.856.085	92.267.844.211	92.267.844.211
- Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - CN Hậu Giang	136.940.936.984	136.940.936.984	64.630.258.443	64.630.258.443
- Ngân hàng TNHH HSBC - CN Cần Thơ	136.940.936.984	136.940.936.984	64.630.258.443	64.630.258.443
Vay dài hạn đến hạn trả (xem thuyết minh số 5.21.2)	27.964.919.101	27.964.919.101	-	-
	164.905.856.085	164.905.856.085	92.267.844.211	92.267.844.211

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay ngắn hạn trong kỳ như sau:

	01/07/2015		Số tiền vay phát sinh trong kỳ		Vay và nợ dài hạn đến hạn trả		Số tiền vay đã trả trong kỳ		31/12/2015	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Vay ngắn hạn ngân hàng	64.630.258.443	64.630.258.443	291.333.369.327	-	-	(219.022.690.786)	136.940.936.984	(174.356.357.486)	136.940.936.984	(a)
- Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam	64.630.258.443	64.630.258.443	246.667.036.027	-	-	(44.666.333.300)	136.940.936.984	(44.666.333.300)	136.940.936.984	
- Ngân hàng TNHH HSBC	-	-	44.666.333.300	-	-	-	64.630.258.443	-	64.630.258.443	
Vay dài hạn đến hạn trả	27.637.585.768	27.637.585.768	-	14.146.126.217	14.146.126.217	(13.818.792.884)	27.964.919.101	(13.818.792.884)	27.964.919.101	
- Ngân hàng TMCP Nông nghiệp & Phát Triển Nông Thôn	5.137.585.768	5.137.585.768	-	2.568.792.884	2.568.792.884	(2.568.792.884)	5.137.585.768	(2.568.792.884)	5.137.585.768	
- Ngân hàng TMCP Đầu tư & Phát Triển Việt Nam	6.000.000.000	6.000.000.000	-	3.000.000.000	3.000.000.000	(3.000.000.000)	6.000.000.000	(3.000.000.000)	6.000.000.000	
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam	6.500.000.000	6.500.000.000	-	3.250.000.000	3.250.000.000	(3.250.000.000)	6.500.000.000	(3.250.000.000)	6.500.000.000	
- Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - CN Tây Đô	-	-	-	327.333.333	327.333.333	-	327.333.333	-	327.333.333	
- Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam	10.000.000.000	10.000.000.000	-	5.000.000.000	5.000.000.000	(5.000.000.000)	10.000.000.000	(5.000.000.000)	10.000.000.000	
	92.267.844.211	92.267.844.211	291.333.369.327	14.146.126.217	14.146.126.217	(232.841.483.670)	164.905.856.085	(232.841.483.670)	164.905.856.085	

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG CẦN THƠ

Số 1284 Trần Hưng Đạo, Khu vực I, Phường VII, Thành phố Vị Thanh, Tỉnh Hậu Giang

THUYẾT MINH BẢO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

(a) Chi tiết vay ngắn hạn: Hợp đồng tín dụng số 13/2015/HĐTDHM/NHCT821-CASUCO ký ngày 2 tháng 11 năm 2015

Hạn mức	:	300.000.000.000 VND
Mục đích vay	:	Bổ sung vốn lưu động phục vụ cho hoạt động SXKD niên vụ mía 2014 – 2015
Thời hạn vay	:	12 tháng kể từ ngày giải ngân
Lãi suất vay	:	5,5%/năm
Hình thức đảm bảo	:	Bảo đảm vay được nêu trong 7 hợp đồng thế chấp. Tài sản thế chấp gồm quyền sử dụng đất, Máy móc thiết bị và hàng tồn kho với tổng giá trị được định giá là 277.947.751.181 VND. Giá trị còn lại theo sổ sách của tài sản thế chấp tính đến 31/12/2015 dùng để thế chấp là 14.960.062.942 VND.
Số dư tại ngày 31/12/2015	:	136.940.936.984 VND

25-6
CÔNG TY
HỮU
DÂN
[N]
ÁNH
HỒ
T.P.C

H+G
IG T
PHÁ
ĐỨC
NT
NH-

CÔNG TY CỔ PHẦN MIA ĐƯỜNG CÁN THƠ
Số 1284 Trần Hưng Đạo, Khu vực I, Phường VII, Thành phố Vị Thanh, Tỉnh Hậu Giang
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho kỳ tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

5.21.2 Vay dài hạn

	31/12/2015		01/07/2015	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Vay dài hạn phải trả các bên liên quan				
Vay dài hạn phải trả các tổ chức và cá nhân khác				
Vay dài hạn ngân hàng				
- Ngân hàng TMCP Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn - CN Hậu Giang	64.655.230.779	64.655.230.779	77.819.356.996	77.819.356.996
- Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - CN Tây Đô	92.620.149.880	92.620.149.880	105.456.942.764	105.456.942.764
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Tây Nam	15.412.757.295	15.412.757.295	17.981.550.179	17.981.550.179
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam - CN Cần Thơ	982.000.000	982.000.000	-	-
- Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - CN Hậu Giang	18.339.209.110	18.339.209.110	21.339.209.110	21.339.209.110
	20.386.183.475	20.386.183.475	23.636.183.475	23.636.183.475
	37.500.000.000	37.500.000.000	42.500.000.000	42.500.000.000
Trừ: Nợ dài hạn đến hạn trả				
- Ngân hàng TMCP Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn - CN Hậu Giang	27.964.919.101	27.964.919.101	27.637.585.768	27.637.585.768
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam - CN Tây Nam	6.000.000.000	6.000.000.000	5.137.585.768	5.137.585.768
- Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - CN Tây Đô	327.333.333	327.333.333	-	-
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam - CN Cần Thơ	5.137.585.768	5.137.585.768	6.000.000.000	6.000.000.000
- Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - CN Hậu Giang	6.500.000.000	6.500.000.000	6.500.000.000	6.500.000.000
	10.000.000.000	10.000.000.000	10.000.000.000	10.000.000.000
	64.655.230.779	64.655.230.779	77.819.356.996	77.819.356.996

Kỳ hạn thanh toán các khoản vay dài hạn như sau:

Tại ngày 31/12/2015	Tổng nợ VND	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	
			Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND
Vay dài hạn ngân hàng				
- Ngân hàng TMCP Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn - CN Hậu Giang	92.620.149.880	27.964.919.101	64.655.230.779	-
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam - CN Tây Nam	15.412.757.295	6.000.000.000	9.412.757.295	-
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam - CN Cần Thơ	18.339.209.110	5.137.585.768	13.201.623.342	-
- Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - CN Hậu Giang	20.386.183.475	6.500.000.000	13.886.183.475	-
- Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - CN Tây Đô	37.500.000.000	10.000.000.000	27.500.000.000	-
- Ngân hàng các tổ chức khác	982.000.000	327.333.333	654.666.667	-
	92.620.149.880	27.964.919.101	64.655.230.779	-



CÔNG TY CỔ PHẦN MIA ĐƯỜNG CÁN THƠ
Số 1284 Trần Hưng Đạo, Khu vực I, Phường VII, Thành phố Vị Thanh, Tỉnh Hậu Giang
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho kỳ tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

	Tổng nợ VND	Từ 1 năm trở xuống VND		Trên 1 năm đến 5 năm VND		Trên 5 năm VND	
Tại ngày 01/07/2015							
Vay dài hạn ngân hàng	-	-	-	-	-	-	-
- Ngân hàng TMCP Nông nghiệp và Phát triển Nông Thôn - CN Hậu Giang	05.456.942.764	27.637.585.768	77.819.356.996	-	-	-	-
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Tây Nam	(a) 17.981.550.179	5.137.585.768	12.843.964.411	-	-	-	-
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam - CN Cần Thơ	(b) 21.339.209.110	6.000.000.000	15.339.209.110	-	-	-	-
- Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - CN Hậu Giang	(c) 23.636.183.475	6.500.000.000	17.136.183.475	-	-	-	-
Vay dài hạn các tổ chức khác	(d) 42.500.000.000	10.000.000.000	32.500.000.000	-	-	-	-
	05.456.942.764	27.637.585.768	77.819.356.996				

Chi tiết các khoản vay dài hạn tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 như sau:

(a) Đây là khoản vay của Hợp đồng tín dụng số 08/2002/NHNo-TD ngày 27/6/2002 từ Ngân hàng TMCP Nông nghiệp và Phát triển Nông Thôn - CN Hậu Giang

Mục đích vay : Vay mua ngoại tệ trả nợ nước ngoài
Thời hạn vay : 16 năm
Lãi suất vay : 5,0 – 5,4%/năm
Hình thức đảm bảo : Tín chấp

(b) Đây là khoản vay của Hợp đồng tín dụng số 003/98/HĐ số ngày 27/6/2002 ngày 29/10/1998 từ Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Tây Nam

Mục đích vay : Đầu tư dự án nhà máy đường Phụng Hiệp
Thời hạn vay : 20 năm
Lãi suất vay : 5,4%/năm
Hình thức đảm bảo : Bảo đảm vay là tài sản hình có định hữu hình thành từ vốn vay với tổng nguyên giá là: 131.346.087.700 VND. Giá trị còn lại tính đến 31/12/2015 là 178.949.225 VND.



CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG CẦN THƠ

Số 1284 Trần Hưng Đạo, Khu vực I, Phường VII, Thành phố Vị Thanh, Tỉnh Hậu Giang

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

(c) Đây là khoản vay của Hợp đồng tín dụng số 04/2006/HĐTD ngày 25/4/2006 từ Ngân hàng Phát triển Việt Nam - CN Cần Thơ

Mục đích vay : Đầu tư dự án nhà máy đường Phụng Hiệp
 Thời hạn vay : 15 năm
 Lãi suất vay : 5,4%/năm
 Hình thức đảm bảo : Bảo đảm vay là dây chuyền thiết bị đồng bộ của Ấn Độ công suất 1.250 tấn mía/ngày, có nguyên giá 104.514.644.899 VND tính đến ngày 31/12/2015, tài sản này đã được khấu hao hết.

(d) Đây là khoản vay của Hợp đồng tín dụng số 016/2014-HĐTDDA/NHCT821-CASUCO ngày 25/7/2014 từ Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - CN Hậu Giang

Mục đích vay : Bù đắp các chi phí cho dự án "đổi mới chi phí tinh lọc đường RE"
 Thời hạn vay : 5 năm
 Lãi suất vay : 9,5%/năm
 Hình thức đảm bảo : Bảo đảm vay bằng dây chuyền đường RE có nguyên giá là: 92.648.089.639 VND. Giá trị còn lại tính đến 31/12/2015 là 65.120.497.405VND.

(e) Đây là khoản vay của Hợp đồng tín dụng số 02/2015-HĐTD/NHCT824-CTCPCOKHIDIENMAY ngày 25/7/2014 từ Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – CN Cần Thơ

Mục đích : Vay để bù đắp và thanh toán tiền mua vỏ chai chứa khí oxy, nitor
 Thời hạn vay : 36 tháng
 Lãi suất vay : 10%/năm
 Hình thức đảm bảo : Bảo đảm vay là xe ô tô và bồn oxy có nguyên giá 2.405.551.406 VND, tính đến ngày 31/12/2015 giá trị còn lại 2.254.160.396 VND

Tập đoàn không có các khoản vay quá hạn chưa thanh toán.

5.22 Dự phòng phải trả ngắn hạn

	01/07/2015	Tăng do trích lập trong kỳ	Số sử dụng trong kỳ	31/12/2015
	VND	VND	VND	VND
Dự phòng chi phí sửa chữa, bảo dưỡng tài sản cố định định kỳ	7.881.024.452	-	(7.881.024.452)	-
	7.881.024.452	-	(7.881.024.452)	-

5.23 Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	01/07/2015	Tăng do trích lập từ lợi nhuận	Tăng khác	Chi quỹ trong kỳ	31/12/2015
	VND	VND		VND	VND
Quỹ khen thưởng	9.449.722.052	2.392.416.764	12.040.000	(3.866.865.900)	7.987.312.916
Quỹ phúc lợi xã hội	3.205.603.916	996.840.318	-	(417.547.270)	3.784.896.964
Quỹ thưởng Ban quản lý, điều hành	580.129.433	598.104.191	-	(1.174.092.903)	4.140.721
	13.235.455.401	3.987.361.273	12.040.000	(5.458.506.073)	11.776.350.601

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG CẦN THƠ

Số 1284 Trần Hưng Đạo, Khu vực I, Phường VII, Thành phố Vị Thanh, Tỉnh Hậu Giang

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

5.24 Quỹ phát triển khoa học và công nghệ

	Quỹ phát triển khoa học và công nghệ VND	Quỹ phát triển khoa học và công nghệ đã hình thành tài sản cố định VND	Cộng VND
Tại ngày 01/07/2015	25.267.469.610	-	25.267.469.610
Trích lập quỹ	-	-	-
Hoàn nhập quỹ	(15.852.809.983)	-	(15.852.809.983)
Tại ngày 31/12/2015	<u>9.414.659.627</u>	-	<u>9.414.659.627</u>



0021
CÔNG
CỔ PHẦN
MÍA Đ
CẦN
THƠ

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG CÁN THƠ
Số 1284 Trần Hưng Đạo, Khu vực I, Phường VII, Thành phố Vị Thanh, Tỉnh Hậu Giang
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

5.25 Vốn chủ sở hữu ("VCSH")

Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của CSH VND		Thặng dư vốn cổ phần VND		Vốn khác của chủ sở hữu VND		Cổ phiếu quỹ VND		Quỹ đầu tư phát triển VND		Quỹ dự phòng tài chính VND		Lợi nhuận chưa phân phối VND		Tổng cộng VND
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	
Vào ngày 01/01/2014	130.805.470.000	91.713.511	45.532	-	(40.400.000)	100.942.567.165	33.330.816.855	75.366.610.712	340.496.826.670						
Lãi trong kỳ	-	-	-	-	-	-	-	8.052.029.974	8.052.029.974						
Trích lập quỹ trong kỳ	-	-	-	-	-	-	2.846.799.114	(3.004.553.943)	(3.004.553.943)						
Chia cổ tức trong kỳ	-	-	-	-	-	-	-	(20.681.704.500)	(20.681.704.500)						
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	-	-	-	(7.037.535.657)	(7.037.535.657)						
Mua lại cổ phiếu quỹ	-	-	-	-	(10.109.400.000)	-	-	-	(10.109.400.000)						
Giảm khác	-	(2.895)	(1)	-	-	-	-	(49.317.692)	(49.320.588)						
Vào ngày 30/06/2014	130.805.470.000	91.713.511	45.531	(1)	(10.149.800.000)	103.789.366.279	33.488.571.684	52.645.528.894	310.670.895.899						
Lãi trong kỳ	-	-	-	-	-	-	-	20.922.252.636							
Chia cổ tức trong kỳ	-	-	-	-	-	-	-	541.980.000							
Giảm khác	-	-	-	-	-	-	-	(2.222.860)							
Tại ngày 31/12/2014	130.805.470.000	91.713.511	45.531	(10.149.800.000)	103.789.366.279	33.488.571.684	74.107.538.670	332.132.905.675							
Phân loại lại (*)	-	-	-	-	32.477.855.349	(33.488.571.684)	1.010.716.335	-	-						
Tại ngày 01/01/2015	130.805.470.000	91.713.511	45.531	(10.149.800.000)	136.267.221.628	-	-	75.118.255.005	332.132.905.675						
Lãi trong kỳ	-	-	-	-	-	-	-	20.403.339.514	20.403.339.514						
Trích lập quỹ trong kỳ	-	-	-	-	-	-	1.600.032.986	(1.600.032.986)	-						
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	-	-	-	(5.126.238.269)	(5.126.238.269)						
Chia cổ tức trong kỳ	-	-	-	-	-	-	-	(31.787.967.500)	(31.787.967.500)						
Vào ngày 30/06/2015	130.805.470.000	91.713.511	45.531	(10.149.800.000)	137.867.254.614	-	-	57.007.355.764	315.622.039.420						
Lãi trong kỳ	-	-	-	-	-	-	-	19.022.904.786	19.022.904.786						
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	-	-	-	(3.987.361.273)	(3.987.361.273)						
Chia cổ tức trong kỳ	-	-	-	-	-	-	-	(15.258.224.400)	(15.258.224.400)						
Tại ngày 31/12/2015	130.805.470.000	91.713.511	45.531	(10.149.800.000)	137.867.254.614	-	-	56.784.674.877	315.399.358.533						

(*) Phân loại lại số dư đầu kỳ theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và hướng dẫn Chế độ kế toán Doanh nghiệp thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Thông tư này có hiệu lực áp dụng cho kỳ tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015 và theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2015 của Công ty Cổ phần Cơ Khí Điện Máy Cán Thơ Cameco ngày 10 tháng 06 năm 2015 quyết định hoàn nhập số dư quỹ dự phòng tài chính ngày 31 tháng 12 năm 2014 vào lợi nhuận chưa phân phối của Công ty này.

T. H.

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG CẦN THƠ
Số 1284 Trần Hưng Đạo, Khu vực I, Phường VII, Thành phố Vị Thanh, Tỉnh Hậu Giang
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho kỳ tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	31/12/2015		01/07/2015	
	VND	Tỷ lệ (%)	VND	Tỷ lệ (%)
Vốn Nhà Nước	36.091.920.000	27,59	36.091.920.000	27,59
Ông Nguyễn Thành Long	11.119.750.000	8,50	11.119.750.000	8,50
Bà Nguyễn Ái Nhu Giang	8.744.600.000	6,69	8.744.600.000	6,69
Công ty Kim Hà Việt	8.080.920.000	6,18	8.080.920.000	6,18
Công ty Thành Thành Công	8.408.970.000	6,43	8.408.970.000	6,43
Vốn cổ phần đã được Công ty mua lại (cổ phiếu quỹ)	3.653.600.000	2,79	3.653.600.000	2,79
Vốn các cổ đông khác	54.705.710.000	41,82	54.705.710.000	41,82
	130.805.470.000	100,00	130.805.470.000	100,00

Cổ phiếu

	31/12/2015	01/07/2015
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	13.080.547	13.080.547
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	13.080.547	13.080.547
• Cổ phiếu phổ thông	13.044.167	13.044.167
• Cổ phiếu ưu đãi	36.380	36.380
Số lượng cổ phiếu được mua lại	(365.360)	(365.360)
• Cổ phiếu phổ thông	(364.600)	(364.600)
• Cổ phiếu ưu đãi	(760)	(760)
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	12.715.187	12.715.187
• Cổ phiếu phổ thông	12.679.567	12.679.567
• Cổ phiếu ưu đãi	35.620	35.620

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành 10.000 VND.

5.26 Lợi ích cổ đông không kiểm soát

	Từ ngày 01/07/2015 đến ngày 31/12/2015 VND	Từ ngày 01/07/2014 đến ngày 31/12/2014 VND
Số dư đầu kỳ	11.884.675.088	10.822.622.088
Phát sinh tăng trong kỳ	879.195.089	1.590.986.764
Phát sinh giảm trong kỳ	(207.345.150)	(467.415.550)
Số dư cuối kỳ	12.556.525.027	11.946.193.302

5.27 Các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán

5.27.1 Ngoại tệ các loại

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, ngoại tệ của Tập đoàn chỉ bao gồm Đôla Mỹ (USD) với tổng số tiền nguyên tệ là 5.490,36 USD.

5.27.2 Nợ khó đòi đã xử lý

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, tổng số công nợ phải thu khó đòi đã được xử lý là 2.270.453.160 VND. Nguyên nhân xóa nợ là do Tập đoàn nhận thấy những khoản phải thu này không có khả năng thu hồi.

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

6.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Từ ngày 01/07/2015 đến ngày 31/12/2015 VND	Từ ngày 01/07/2014 đến ngày 31/12/2014 VND
Doanh thu bán hàng hóa	5.524.313.222	3.282.078.273
Doanh thu thành phẩm	731.572.722.051	721.880.550.014
Doanh thu dịch vụ	1.007.103.093	1.414.326.984
Doanh thu khác	1.028.644.018	2.261.693.564,00
	739.132.782.384	728.838.648.835

6.2 Các khoản giảm trừ doanh thu

	Từ ngày 01/07/2015 đến ngày 31/12/2015 VND	Từ ngày 01/07/2014 đến ngày 31/12/2014 VND
Chiết khấu thương mại	1.821.758.228	192.520.771
Giảm giá hàng bán	39.856.027	-
Hàng bán bị trả lại	1.271.400.952	6.550.123.333
	3.133.015.207	6.742.644.104

6.3 Giá vốn hàng bán

	Từ ngày 01/07/2015 đến ngày 31/12/2015 VND	Từ ngày 01/07/2014 đến ngày 31/12/2014 VND
Giá vốn hàng hóa đã bán	3.913.802.895	2.543.503.787
Giá vốn thành phẩm	683.809.462.531	671.778.661.158
Giá vốn dịch vụ đã cung cấp	3.704.128.466	1.207.417.950
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	41.741.007	-
	691.469.134.899	675.529.582.895

6.4 Doanh thu hoạt động tài chính

	Từ ngày 01/07/2015 đến ngày 31/12/2015 VND	Từ ngày 01/07/2014 đến ngày 31/12/2014 VND
Lãi tiền gửi	1.076.328.559	63.847.068
Lãi trả chậm	-	1.496.272.084
Cổ tức và lợi nhuận được chia	3.271.478.000	2.500.000.000
Lãi tiền cho ứng vốn cho Công đoàn cơ sở	320.893.167	319.190.001
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại khoản mục tiền tệ	-	411.769
Doanh thu hoạt động tài chính khác	161.000.000	681.319.442
	4.829.699.726	5.061.040.364

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

6.5 Chi phí hoạt động tài chính

	Từ ngày 01/07/2015 đến ngày 31/12/2015 VND	Từ ngày 01/07/2014 đến ngày 31/12/2014 VND
Chi phí lãi vay	4.717.520.228	8.246.558.086
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	717.985.727	1.845.890.360
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	-	636.121
Chi phí tài chính khác	827.954	-
	5.436.333.909	10.093.084.567

6.6 Chi phí bán hàng

	Từ ngày 01/07/2015 đến ngày 31/12/2015 VND	Từ ngày 01/07/2014 đến ngày 31/12/2014 VND
Chi phí nhân viên	1.467.309.013	1.045.434.419
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.258.542.043	3.209.608.438
Chi phí bằng tiền khác	5.645.533.089	2.787.341.546
	9.371.384.145	7.042.384.403

6.7 Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Từ ngày 01/07/2015 đến ngày 31/12/2015 VND	Từ ngày 01/07/2014 đến ngày 31/12/2014 VND
Chi phí nhân viên quản lý	5.455.360.512	5.569.213.015
Chi phí vật liệu quản lý	44.627.454	39.893.636
Chi phí đồ dùng văn phòng	102.007.888	182.723.721
Chi phí khấu hao TSCĐ	3.933.374.417	4.924.421.988
Thuế, phí và lệ phí	(292.310.389)	138.216.543
Chi phí dự phòng / (hoàn nhập)	5.687.667.695	(73.090.970)
Hoàn nhập quỹ khoa học công nghệ	(15.852.809.983)	-
Phân bổ lợi thế thương mại	139.915.871	139.915.871
Chi phí dịch vụ mua ngoài	208.905.757	258.884.582
Chi phí bằng tiền khác	7.286.769.961	9.564.887.561
	6.713.509.183	20.745.065.947

6.8 Thu nhập khác

	Từ ngày 01/07/2015 đến ngày 31/12/2015 VND	Từ ngày 01/07/2014 đến ngày 31/12/2014 VND
- Thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ	27.267.273	-
- Chi phí thanh lý, nhượng bán TSCĐ	-	-
Lãi thanh lý, nhượng bán TSCĐ	27.267.273	-
Thu bán phế liệu	25.454.546	3.803.733.752
Cho thuê mặt bằng, thuê đất	-	27.818.182
Thu nhập khác	80.833.746	2.187.311.008
	133.555.565	6.018.862.942

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

6.9 Chi phí khác

	Từ ngày 01/07/2015 đến ngày 31/12/2015 VND	Từ ngày 01/07/2014 đến ngày 31/12/2014 VND
Tiền phạt chậm nộp thuế	723.231	-
Chi phí khác	479.159.338	103.335.383
	479.882.569	103.335.383

6.10 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Từ ngày 01/07/2015 đến ngày 31/12/2015 VND	Từ ngày 01/07/2014 đến ngày 31/12/2014 VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp của cổ đông của công ty mẹ	19.022.904.786	20.922.252.636
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	-	-
Lợi nhuận tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	19.022.904.786	20.922.252.636
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ	12.715.187	12.715.187
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.496	1.645

6.11 Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố

	Từ ngày 01/07/2015 đến ngày 31/12/2015 VND	Từ ngày 01/07/2014 đến ngày 31/12/2014 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	584.134.175.614	625.426.847.677
Chi phí nhân công	55.269.297.570	48.254.997.258
Chi phí khấu hao tài sản cố định	31.313.214.447	41.681.532.644
Chi phí dịch vụ mua ngoài	15.451.940.937	5.630.792.506
Chi phí khác	21.998.072.872	30.125.262.188
	708.166.701.440	751.119.432.273

7. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Tập đoàn có các tài sản tài chính như các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác, tiền mặt và tiền gửi ngắn hạn, dài hạn phát sinh trực tiếp từ hoạt động của Tập đoàn. Nợ phải trả tài chính của Tập đoàn chủ yếu bao gồm các khoản phải trả khác. Mục đích chính của các khoản nợ phải trả tài chính này là nhằm huy động các nguồn tài chính phục vụ cho các hoạt động của Tập đoàn.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Nghiệp vụ quản lý rủi ro là nghiệp vụ không thể thiếu cho toàn bộ hoạt động kinh doanh của Tập đoàn. Tập đoàn đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức độ hợp lý giữa chi phí khi rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc liên tục theo dõi quy trình quản lý rủi ro nhằm đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Các rủi ro tài chính của Tập đoàn bao gồm: rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

Ban Tổng Giám đốc xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý các rủi ro nói trên như sau:

i. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường có bốn loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ, rủi ro về giá hàng hóa và rủi ro về giá khác, chẳng hạn như rủi ro về giá cổ phần.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái. Tập đoàn chịu rủi ro do sự thay đổi của tỷ giá hối đoái liên quan trực tiếp đến hoạt động kinh doanh của Tập đoàn.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Tập đoàn có các khoản tài sản tài chính chịu ảnh hưởng của rủi ro tỷ giá hối đoái như sau:

	USD
Tiền	5.490,36
Rủi ro lãi suất	

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Tập đoàn chủ yếu liên quan đến tiền, các khoản tiền gửi ngắn hạn, và các khoản vay của Công ty.

Tập đoàn quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho mục đích của Tập đoàn và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Rủi ro về giá hàng hóa

Tập đoàn có rủi ro về sự biến động của giá hàng hóa. Tập đoàn quản lý rủi ro về giá hàng hóa bằng cách theo dõi chặt chẽ các thông tin và tình hình có liên quan của thị trường nhằm quản lý thời điểm mua hàng và mức tồn kho một cách hợp lý.

ii. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng giao dịch không thực hiện được nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Tập đoàn có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình (chủ yếu đối với tài khoản phải thu khách hàng), và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác.

Phải thu khách hàng

Tập đoàn chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến tại Việt Nam. Rủi ro tín dụng của số dư tiền gửi tại các ngân hàng được quản lý bởi bộ phận ngân quỹ của Tập đoàn theo chính sách của Tập đoàn. Tập đoàn nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với khoản tiền gửi ngân hàng là thấp.

Ban Tổng Giám đốc đánh giá rằng tất cả các tài sản tài chính đều trong hạn và không bị suy giảm ngoại trừ các khoản cho vay, các khoản phải thu đã được trình bày.

Tiền gửi ngân hàng

Tập đoàn chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến tại Việt Nam. Rủi ro tín dụng của số dư tiền gửi tại các ngân hàng được quản lý bởi bộ phận ngân quỹ



GT
HÀ
CƠ
TH
T.H

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

của Tập đoàn theo chính sách của Tập đoàn. Rủi ro tín dụng tối đa của Tập đoàn đối với các khoản mục trên bản cân đối kế toán tại ngày kết thúc kỳ tài chính là giá trị ghi sổ như trình bày trong Thuyết minh số 5.1. Tập đoàn nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với khoản tiền gửi ngân hàng là thấp.

iii. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro mà Tập đoàn sẽ gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Tập đoàn chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Tập đoàn giảm thiểu rủi ro thanh khoản bằng cách duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền và các khoản vay ngân hàng ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho rằng đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Tập đoàn và giảm thiểu rủi ro do những biến động của luồng tiền.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với nợ phải trả tài chính và thời hạn thanh toán như đã thỏa thuận trên cơ sở dòng tiền chưa được chiết khấu theo ngày sớm nhất mà Tập đoàn phải trả:

	Dưới 1 năm VND	Từ 1 đến 5 năm VND	Cộng VND
Ngày 31 tháng 12 năm 2015			
Các khoản vay và nợ	164.905.856.085	64.655.230.779	229.561.086.864
Phải trả người bán	16.006.575.740	-	16.006.575.740
Chi phí phải trả	3.736.640.556	-	3.736.640.556
Các khoản phải trả, phải nộp khác	10.475.029.191	75.000.000	10.550.029.191
	195.124.101.572	64.730.230.779	259.854.332.351
Ngày 01 tháng 07 năm 2015			
Các khoản vay và nợ	92.267.844.211	77.819.356.996	170.087.201.207
Phải trả người bán	11.109.783.534	-	11.109.783.534
Chi phí phải trả	2.086.423.512	-	2.086.423.512
Phải trả khác	10.926.095.598	-	10.926.095.598
	116.390.146.855	77.819.356.996	194.209.503.851

Tập đoàn cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Tập đoàn có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn cần thiết.

Tài sản đảm bảo

Tập đoàn đã thế chấp hàng tồn kho, nhà cửa vật kiến trúc, máy móc thiết bị, đất đai và các khoản đầu tư của mình vào các khoản vay (Thuyết minh số 5.8, 5.10 và 5.11).

Tập đoàn không nắm giữ tài sản đảm bảo của một bên khác tại ngày 31/12/2015 và 01/07/2015.

iv. Giá trị hợp lý	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	Ngày 31 tháng 12 năm 2015	Ngày 30 tháng 06 năm 2015	Ngày 31 tháng 12 năm 2015	Ngày 30 tháng 06 năm 2015
	VND	VND	VND	VND
Tài sản tài chính				
Các khoản phải thu				
Phải thu bên thứ ba	17.500.681.961	13.328.378.617	17.500.681.961	13.328.378.617
Phải thu các bên liên quan	452.508.400	4.842.382.920	452.508.400	4.842.382.920
Các khoản phải thu khác	36.832.280.128	30.883.826.752	36.832.280.128	30.883.826.752
Phải thu dài hạn khác	4.830.210.000	9.660.420.000	4.830.210.000	9.660.420.000
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán				
Đầu tư dài hạn	5.096.351.899	5.814.337.626	5.096.351.899	5.814.337.626
Tiền và các khoản tương đương tiền	77.745.606.384	11.467.650.627	77.745.606.384	11.467.650.627
	142.457.638.772	75.996.996.542	142.457.638.772	75.996.996.542
Nợ phải trả tài chính				
Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ				
Vay và nợ	229.561.086.864	170.087.201.207	229.561.086.864	170.087.201.207
Phải trả bên thứ ba	16.006.575.740	11.109.783.534	16.006.575.740	11.109.783.534
Chi phí phải trả	3.736.640.556	2.086.423.512	3.736.640.556	2.086.423.512
Phải trả khác	10.550.029.191	11.001.095.598	10.550.029.191	11.001.095.598
	259.854.332.351	194.284.503.851	259.854.332.351	194.284.503.851

Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính không được đánh giá và xác định một cách chính thức vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và ngày 01 tháng 07 năm 2015. Ban Tổng Giám đốc đã trình bày giá trị hợp lý của những tài sản và phải trả tài chính này bằng với giá trị ghi sổ của chúng tại ngày kết thúc kỳ tài chính.

8. CÁC THÔNG TIN KHÁC

8.1 Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Tập đoàn bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

8.1.1 Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban Tổng Giám đốc. Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Tập đoàn không phát sinh giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

Các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

	Từ ngày 01/07/2015 đến ngày 31/12/2015 VND	Từ ngày 01/07/2014 đến ngày 31/12/2014 VND
Tạm ứng	129.200.000	407.411.052
Hoàn ứng	(4.519.074.520)	(6.739.526.363)
Nhận cổ tức	3.566.330.400	4.120.647.000

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt tại Tập đoàn mẹ như sau:

	31/12/2015 VND	01/07/2015 VND
Thành viên chủ chốt – phải thu tạm ứng	452.508.400	4.842.382.920

Các khoản công nợ phải thu các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

	Từ ngày 01/07/2015 đến ngày 31/12/2015 VND	Từ ngày 01/07/2014 đến ngày 31/12/2014 VND
Tiền lương	1.183.918.150	854.695.909
Thù lao	243.000.000	135.000.000
	1.426.918.150	989.695.909

8.1.2 Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các Công ty liên doanh, liên kết được trình bày sau đây:

	Từ ngày 01/07/2015 đến ngày 31/12/2015 VND	Từ ngày 01/07/2014 đến ngày 31/12/2014 VND
Công ty CP Mía Đường Sóc Trăng		
- Nhận cổ tức	3.257.500.000	2.515.000.000
- Thu lãi trả chậm	-	357.048.610
- Ứng trước tiền mua thành phẩm	9.000.000.000	-

Công nợ với các bên liên quan

	31/12/2015 VND	01/07/2015 VND
Công ty CP Mía Đường Sóc Trăng - ứng tiền mua thành phẩm	9.000.000.000	-

8.2 Thông tin về bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý.

Các chi phí chung được phân bổ cho từng bộ phận dựa theo tỷ lệ phần trăm doanh thu của từng bộ phận.

Bộ phận theo khu vực địa lý

Toàn bộ hoạt động kinh doanh của Tập đoàn chỉ diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam.

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Để phục vụ mục đích quản lý, cơ cấu tổ chức của Tập đoàn được chia thành 3 bộ phận hoạt động gồm:

- Lĩnh vực sản xuất, kinh doanh đường và các sản phẩm của ngành mía đường
- Lĩnh vực dịch vụ du lịch
- Lĩnh vực khác bao gồm: cơ khí, bao bì, tư vấn, thiết kế, sản xuất và kinh doanh khí gas các loại

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Tập đoàn từ ngày 01/07/2015 đến ngày 31 tháng 12 năm 2015 như sau:

Từ ngày 01/07/2015 đến ngày 31/12/2015	Mía đường	Du lịch	khác	Các khoản điều chỉnh	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Doanh thu thuần	695.938.341.409	4.478.018.722	39.475.710.285	(3.758.747.674)	736.133.322.742
Chi phí bộ phận	(670.988.648.169)	(4.181.379.486)	(36.482.714.944)	3.618.831.803	(708.033.910.796)
Kết quả kinh doanh bộ phần	24.949.693.240	296.639.236	2.992.995.341	(139.915.871)	28.099.411.946
Chi phí không phân bổ					-
Thu nhập hoạt động tài chính	5.622.134.999	6.970.076	169.594.651	(969.000.000)	4.829.699.726
Chi phí hoạt động tài chính	(5.132.724.597)	-	-	(303.609.312)	(5.436.333.909)
Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên kết, liên doanh	-	-	-	(3.737.792.609)	(3.737.792.609)
Lợi nhuận trước thuế	25.439.103.642	303.609.312	3.162.589.992	(5.150.317.792)	23.754.985.154
Chi phí thuế thu nhập TNDN hiện hành	(2.064.896.270)	-	(426.938.532)	-	(2.491.834.802)
Chi phí thuế thu nhập TNDN hoãn lại	(1.248.131.824)	-	(112.918.652)	-	(1.361.050.476)
Lợi nhuận sau thuế TNDN	22.126.075.548	303.609.312	2.622.732.808	(5.150.317.792)	19.902.099.876

002
NH
NH
NH
C

KẾ TÍNH C. T. C.
TY
AN
ÔNG
HỒ
H. HẬU GIANG

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG CẦN THƠ

Số 1284 Trần Hưng Đạo, Khu vực I, Phường VII, Thành phố Vị Thanh, Tỉnh Hậu Giang

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

	Mía đường VND	Du lịch VND	khác VND	Các khoản điều chỉnh VND	Cộng VND
Vào ngày 31/12/2015					
Tài sản và nợ phải trả					
Tài sản của bộ phận	675.207.340.161	1.242.466.847	53.735.736.948	(41.410.727.805)	688.774.816.151
Các khoản đầu tư	46.501.548.394	-	-	31.360.895.458	77.862.443.852
Tài sản không phân bổ					
Tổng tài sản	721.708.888.555	1.242.466.847	53.735.736.948	10.049.832.347	766.637.260.003
Nợ phải trả phân bổ	418.858.560.286	489.770.352	21.670.778.481	(1.576.077.826)	439.443.031.293
Tổng nợ phải trả	418.858.560.286	489.770.352	21.670.778.481	(1.576.077.826)	439.443.031.293

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Tập đoàn từ ngày 01 tháng 07 năm 2014 đến ngày 31 tháng 12 năm 2014 như sau:

Từ ngày 01/07/2014 đến ngày 31/12/ 2014	Mía đường VND	Du lịch VND	khác VND	Các khoản điều chỉnh VND	Cộng VND
Doanh thu thuần	699.196.089.665	4.302.908.081	28.558.471.041	(4.004.295.152)	728.053.173.635
Chi phí bộ phận	(675.811.813.449)	(4.813.199.221)	(26.598.041.200)	3.864.379.280	(703.358.674.590)
Kết quả kinh doanh bộ phận	23.384.276.216	(510.291.140)	1.960.429.841	(139.915.872)	24.694.499.045
Chi phí không phân bổ				-	-
Thu nhập hoạt động tài chính	4.771.813.487	11.494.187	292.732.690	(7.802.680.000)	(2.726.639.636)
Chi phí hoạt động tài chính	(10.594.104.379)	-	-	501.019.812	(10.093.084.567)
Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên kết, liên doanh				13.037.955.912	13.037.955.912
Lợi nhuận trước thuế	17.561.985.324	(498.796.953)	2.253.162.531	5.596.379.852	24.912.730.754
Chi phí thuế thu nhập TNDN hiện hành	5.042.640.190	-	338.446.398	-	5.381.086.588
Chi phí thuế thu nhập TNDN hoãn lại	(2.052.502.189)	-	30.146.380	-	(2.022.355.809)
Lợi nhuận sau thuế TNDN	14.571.847.323	(498.796.953)	1.884.569.753	5.596.379.852	21.553.999.975

	Mía đường VND	Du lịch VND	khác VND	Các khoản điều chỉnh VND	Cộng VND
Vào ngày 01/07/2015					
Tài sản và nợ phải trả					
Tài sản của bộ phận	549.162.367.639	1.301.653.466	49.595.104.491	(1.114.371.707)	598.944.753.889
Các khoản đầu tư	46.915.924.809	-	-	(6.597.702.621)	40.318.222.188
Tài sản không phân bổ					
Tổng tài sản	596.078.292.448	1.301.653.466	49.595.104.491	7.712.074.328	639.262.976.077
Nợ phải trả phân bổ	296.108.454.054	852.566.283	20.152.878.832	(5.357.637.600)	311.756.261.569
Tổng nợ phải trả	296.108.454.054	852.566.283	20.152.878.832	(5.357.637.600)	311.756.261.569

8.3 Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ tài chính

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính hợp nhất.



PHAN THỊ HỒNG YẾN
Người lập biểu



ĐOÀN PHƯỚC BÌNH
Q. Kế toán trưởng



NGUYỄN THÀNH LONG
Tổng Giám đốc
Hậu Giang, ngày 24 tháng 02 năm 2016